

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 71/2026/DS-PT

Ngày: 19/01/2026

“V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Hằng

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Ngọc Yến

Bà Hoàng Thị Thúy Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chiêu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 625/2025/TLPT-DS, ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2025/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2025, của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 965/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Văn C**, sinh năm 1959 và bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1958; địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh (bà Đ có mặt, ông C có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà **Lê Thu Đ**, sinh năm 1974 và ông **Trần Văn M**, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh (bà Đ có mặt, ông M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Lê Văn C là nguyên đơn.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn C trình bày:**

Ông Lê Văn C là anh ruột của bà Lê Thu Đ.

Ngày 08/9/2019, vợ chồng ông C và bà Đ cho vợ chồng bà Đ và ông M vay số tiền 1.000.000.000 đồng, không có làm giấy nợ. Năm 2023, bà Đ và ông M vỡ nợ thì bà Đ mới ký “Giấy tay mượn tiền” ghi ngày 08/9/2019 cho ông C, bà Đ, ông M không có ký tên vào giấy nợ này.

Nguồn tiền 1.000.000.000 đồng cho bà Đ, ông M vay là do ông C, bà Đ vay tiền Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tân Biên. Ông C và bà Đ vay tiền ngân hàng từ năm 2019 đến năm 2022 cho bà Đ và ông M vay.

Khi vay, hai bên không có thỏa thuận lãi suất do bà Đ và ông M tự thanh toán lãi cho ngân hàng, mục đích vay làm gì thì bà Đ và ông C không biết.

Năm 2023, bà Đ và ông C không khởi kiện do bà Đ và ông M bán hết đất, không còn tài sản. Khi bà Lê Thị Bích T khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Đ, ông M với bà Nguyễn Thị Lan (là em ruột bà Đ, ông C) thì bà Đ, ông M còn tài sản, do đó bà Đ, ông C mới khởi kiện để thi hành án được chia tỷ lệ với bà Lê Thị Bích T.

Nay bà Đ và ông C yêu cầu bà Đ và ông M trả số tiền gốc 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), không yêu cầu tính lãi.

*** *Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – bà Lê Thu Đ trình bày:***

Bà Lê Thu Đ là em ruột của ông Lê Văn C.

Bà Đ thừa nhận ngày 08/9/2019, bà Đ có vay của ông C và bà Đ số tiền 1.000.000.000 đồng, có lập “Giấy tay mượn tiền” do bà Đ ký tên, không thỏa thuận lãi suất, mục đích vay để trả lãi cho người khác, làm vốn kinh doanh và lo cho gia đình. Ông M biết khoản nợ này.

Nguồn gốc số tiền 1.000.000.000 đồng mà ông C và bà Đ cho vợ chồng bà Đ vay là ông C, bà Đ thế chấp quyền sử dụng đất của ông bà vay ngân hàng. Hai bên thỏa thuận tiền lãi ngân hàng do bà Đ, ông M trả, có khi bà Đ trả lãi ngân hàng trực tiếp, có khi đưa tiền cho ông C, bà Đ trả. Đến hạn thì bà Đ vay tiền người khác để đưa cho ông C, bà Đ trả ngân hàng và vay lại để cho bà Đ, ông M vay tiếp. Năm 2023, bà Đ và ông M vỡ nợ nên ông C, bà Đ tự trả nợ vay cho ngân hàng.

Nay bà Đ và ông M đồng ý trả số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) cho ông C và bà Đ.

*** *Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn M vắng mặt nên không có lời trình bày.***

*** *Tại phiên tòa sơ thẩm:***

- Bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà và ông C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông bà yêu cầu bà Đ và ông M trả số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Bà Lê Thu Đ trình bày: Bà và ông M đồng ý trả số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) cho ông C và bà Đ.

Tại Bản án số 104/2025/DS-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân khu vực 11 - Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật Dân sự; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị Đ đối với bà Lê Thu Đ, ông Trần Văn M về việc yêu cầu trả số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2025 ông Lê Văn C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C.

Tại Quyết định số 138/QĐ-VKSTN-DS ngày 14/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định kháng nghị đối với toàn bộ Bản án số 104/2025/DS-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng nghị.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lê Văn C được thực hiện đúng quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Ông Trần Văn M đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử xét xử vắng ông M là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án: Ông C và bà Đ yêu cầu bà Đ và ông M trả số tiền vay 1.000.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà Đ thừa nhận nợ và đồng ý trả 1.000.000.000 đồng cho ông C, bà Đ. Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là bản chính “Giấy tay mượn tiền” đề ngày 08/9/2019, bà Đ thừa nhận chứng cứ này.

[3] Xét yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh thấy rằng:

[3.1] Ông C và bà Đ yêu cầu bà Đ và ông M trả số tiền vay 1.000.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà Đ thừa nhận nợ và đồng ý trả 1.000.000.000 đồng cho ông C, bà Đ. Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là bản chính “Giấy tay mượn tiền” đề ngày 08/9/2019, bà Đ thừa nhận chứng cứ này.

[3.2] Nội dung “Giấy tay mượn tiền” đề ngày 08/9/2019 thể hiện ông C và bà Đ cho bà Đ vay 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, số căn cước công dân của các bên ghi trong giấy nợ lại thể hiện thời gian cấp căn cước công dân là năm 2021. Qua làm việc tại cấp sơ thẩm, các bên thừa nhận giấy nợ được viết năm 2023, viết tại thời điểm bà Đ, ông M vỡ nợ, không phải viết tại thời điểm vay tiền. Do đó, chứng cứ “Giấy tay mượn tiền” ngày 08/9/2019 là không đúng sự thật.

[3.3] Ông C, bà Đ và bà Đ đều xác nhận nguồn tiền 1.000.000.000 đồng mà nguyên đơn cho bị đơn vay là do nguyên đơn vay từ Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tân Biên và nguyên đơn có cung cấp 04 lịch sử giao dịch tiền vay, thể hiện: ngày 20/8/2019 vay 900.000.000 đồng, ngày 24/8/2020 vay 1.000.000.000 đồng, ngày 30/9/2021 vay 300.000.000 đồng và ngày 07/9/2022 vay 1.000.000.000 đồng. Bà Đ trình bày năm 2019 bà vay ngân hàng 1.000.000.000 đồng thì bà đưa đúng 1.000.000.000 đồng cho bà Đ vay trong ngày, tiền cho bà Đ vay là tiền vay từ ngân hàng, không có nguồn tiền nào khác. Nhưng thực tế, ngày 20/8/2019, bà Đ và ông C chỉ vay ngân hàng 900.000.000 đồng, không phải vay 1.000.000.000 đồng và số tiền mà bà Đ, ông C vay ngân hàng từ năm 2019 đến năm 2022 không phải là

1.000.000.000 đồng hàng năm. Do đó, lời trình bày của các bên đương sự về nguồn gốc tiền cho vay là không có cơ sở.

[3.4] Ngoài ra, bà Đ thừa nhận hiện tại vợ chồng bà không còn tài sản nhưng ông bà phải thi hành án 4.000.000.000 đồng cho bà Lê Thị Bích T theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 04/2024/QĐST-DS ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh) và 600.000.000 đồng cho ông Bùi Văn Sáu. Bản thân bà Đ cũng thừa nhận lý do năm 2023 (bà Đ vỡ nợ) không khởi kiện vì bà Đ đã bán hết tài sản cho em ruột là bà Nguyễn Thị Lan, khi bà Lê Thị Bích T khởi kiện hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Lan và bà Đ được chấp nhận (theo Bản án số 198/2025/DS-PT ngày 17/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh) thì bà Đ nhận thấy bà Đ còn tài sản để thi hành án, cho nên bà Đ và ông C mới nộp đơn khởi kiện vào ngày 22/4/2025. Do đó, có cơ sở xác định việc bà Đ, ông C khởi kiện là nhằm mục đích chia tỷ lệ thi hành án với người khác.

[3.5] Mặt khác, ông C và bà Đ là anh em ruột nên việc các bên đương sự thống nhất nợ với nhau là không khách quan.

[3.6] Từ những nhận định và phân tích trên, cấp sơ thẩm cho rằng khoản nợ 1.000.000.000 đồng theo “Giấy tay mượn tiền” ngày 08/9/2019 là không có thật, các bên thừa nhận nợ với nhau để nhằm mục đích chia tỷ lệ thi hành án với người khác là có căn cứ. Do đó, ông C kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông là không có căn cứ, từ đó cho thấy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn C thấy rằng:

Như đã phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh nên yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn C cũng không có căn cứ để chấp nhận.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Văn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Ông C là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

[5] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.
- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn C.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2025/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2025, của Toà án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật Dân sự; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật Dân sự; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị Đ đối với bà Lê Thu Đ, ông Trần Văn M về việc yêu cầu trả số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị Đ được miễn án phí.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Văn C được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND khu vực 11 -Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Dương Thúy Hằng